

ĐẶC TRƯNG QUẢN TRỊ QUỐC GIA VÀ TƯ DUY, TẦM NHÌN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

PHẠM MINH HÙNG (*)

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích nội dung cơ bản của vấn đề quản trị quốc gia; quan điểm của Đảng, Nhà nước về quản trị quốc gia và quá trình triển khai cải cách hành chính của Chính phủ. Từ đó, đưa ra một số định hướng cải cách hành chính của Việt Nam trong kỷ nguyên mới gắn với đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại.

Từ khóa: Cải cách hành chính; đặc trưng; quản trị quốc gia.

Abstract: The article focuses on analyzing the fundamental aspects of national governance, the viewpoints of the Communist Party and the State on national governance, and the implementation process of administrative reform by the Government. Based on this, it proposes several directions for Vietnam's administrative reform in the new era, associated with innovating national governance toward modernization.

Keywords: Administrative reform; characteristics; national governance.

Ngày nhận bài: 22/9/2025 Ngày biên tập: 15/10/2025 Ngày duyệt đăng: 19/10/2025

1. Những vấn đề cơ bản về quản trị quốc gia

1.1. Khái quát về quản trị quốc gia

Quản trị quốc gia là một khái niệm mới được đề cập chính thức trong Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là kết quả của một quá trình phát triển lý luận và thực tiễn quản lý xã hội, nhà nước trong giai đoạn đổi mới. Một cách khái quát, quản trị quốc gia ở Việt Nam có thể hiểu là quá trình Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các bên liên quan (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, người dân, doanh nghiệp...) dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, theo địa vị pháp lý và năng lực của mình, cùng hoạch định, cùng quyết định, cùng thực hiện, cùng kiểm soát các vấn đề của quốc gia, cùng thụ hưởng thành quả do quản trị quốc gia mang lại và chịu trách nhiệm trước quốc gia nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững đất nước.

(*) **Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ**

1.2. Những đặc trưng quản trị quốc gia của Việt Nam

Trên cơ sở đánh giá, nhìn nhận và khái quát lý luận cũng như thực tiễn từ các quan điểm, chủ trương của Đảng, quá trình triển khai của Nhà nước, đặc biệt thực tiễn triển khai các Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước qua các giai đoạn, có thể xác định quản trị quốc gia ở Việt Nam mang những đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất, nền quản trị quốc gia do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Thứ hai, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với hệ thống thể chế đồng bộ, thống nhất, minh bạch, phù hợp thực tiễn; mọi người dân trong xã hội đều phải tuân thủ pháp luật.

Thứ ba, Nhà nước và xã hội (doanh nghiệp, người dân, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ, cộng đồng dân cư...) theo chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động tham gia vào quá trình hoạch định, thực thi, chính sách theo nguyên tắc cùng bàn, thảo luận, cùng quyết định, cùng thực hiện, cùng thụ hưởng, cùng chịu trách nhiệm trước yêu cầu phát triển quốc gia.

Thứ tư, dân chủ xã hội chủ nghĩa; bảo đảm quyền con người, quyền công dân; sự tham gia của người dân và các chủ thể vào hoạt động quản lý của nhà nước (cả xây dựng luật pháp, cơ chế, chính sách...) vào sự phát triển các lĩnh vực một cách bình đẳng; đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan.

Thứ năm, hướng tới sự đồng thuận xã hội trong quản lý và thực thi pháp luật, phát triển xã hội; điều hòa hợp lý về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và lợi ích giữa các chủ thể trong xã hội.

Thứ sáu, không gian pháp lý hiệu quả cho phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phát triển các lĩnh vực khác; năng lực quản lý và thực thi pháp luật có hiệu lực, hiệu quả cao.

Thứ bảy, thực hiện có hiệu quả, công khai, minh bạch trách nhiệm giải trình của Nhà nước và tất cả các chủ thể liên quan trước xã hội và người dân (cả bên trong hệ thống nhà nước và với bên ngoài xã hội).

Thứ tám, năng lực của Nhà nước trong việc xây dựng và thực thi thể chế tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu và hội nhập quốc tế. Nhà nước không chỉ là người cung cấp dịch vụ mà còn là người kiến tạo, tạo điều kiện cho các chủ thể khác tham gia vào quá trình phát triển.

Thứ chín, tầm nhìn, khả năng và sự thích ứng với sự biến đổi của môi trường phát triển, nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển của đất nước, xã hội, con người; sự thay đổi của môi trường sinh thái. Là quá trình đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) vào quản lý hành chính công nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

1.3. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về quản trị quốc gia và quá trình triển khai cải cách hành chính của Chính phủ

Cải cách hành chính ở Việt Nam là một quá trình tìm tòi và đổi mới không ngừng, bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng (1986) - mốc mở đầu cho công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Từ đây, tổ chức bộ máy nhà nước đã được sắp xếp lại theo hướng gọn nhẹ, giảm đầu mối.

Đến Đại hội VII (1991), Đảng ta tiếp tục khẳng định phương hướng cải cách bộ máy

nhà nước dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực đi đôi với phân công, phân cấp rõ ràng. Giai đoạn 1992-1995 ghi nhận bước phát triển mạnh về nhận thức lý luận của Đảng đối với nền hành chính nhà nước và cải cách hành chính, được thể hiện rõ trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa VII (1995). Nghị quyết này lần đầu tiên xác định rõ ba nội dung trọng tâm của cải cách hành chính là cải cách thể chế, tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

Đại hội XI của Đảng (2011) tiếp tục nhấn mạnh vai trò của cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, Đảng đề ra yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xây dựng nền hành chính thống nhất, thông suốt, trong sạch, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Quan điểm, chủ trương về cải cách hành chính và tư duy quản trị quốc gia được thể hiện rõ nét nhất tại Nghị quyết Đại hội ĐBTVQ lần thứ XIII năm 2021. Lần đầu tiên, khái niệm “quản trị quốc gia” được đưa vào Văn kiện chính thức của Đảng với tần suất xuất hiện nổi bật, thể hiện bước tiến về nhận thức trong quản trị nhà nước, quản trị quốc gia trong giai đoạn mới ở Việt Nam. Đặc biệt, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. Theo đó, Chương trình đã xác định rõ quan điểm: “Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp”, và “Cải cách hành chính phải gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; tận dụng có hiệu quả thành tựu, tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư,

với lộ trình, bước đi phù hợp” để thực hiện cho được mục tiêu “Xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân”.

Như vậy, các biện pháp đổi mới, cải cách để xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp không nhằm mục tiêu gì khác là phục vụ nhân dân, lấy người dân là trung tâm, đem lại hạnh phúc cho nhân dân.

2. Kết quả thực hiện đổi mới quản trị quốc gia gắn với quá trình cải cách hành chính

Một là, cải cách thể chế đã từng bước cụ thể hóa mục tiêu, quan điểm của Đảng về tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thể chế về tổ chức bộ máy hành chính, công chức viên chức; về mối quan hệ giữa nhà nước với người dân: được tập trung xây dựng, hoàn thiện thông qua việc ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, nhất là từ khi thi hành Hiến pháp năm 2013 đã góp phần quan trọng hoàn thiện hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương tới cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

Thể chế về tiếp cận thông tin của người dân: Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước”. Cụ thể hóa quyền hiến định này tại Hiến pháp năm 2013, Luật Tiếp cận thông tin đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 06/4/2016 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2018) đã góp phần tạo cơ sở cho việc giám sát của người dân đối với hoạt động của cơ quan nhà nước, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Hai là, cải cách thủ tục hành chính (TTHC) được triển khai mạnh mẽ ở tất cả các cấp hành chính theo hướng đơn giản hoá, công khai, minh bạch, giảm chi phí tuân thủ, tạo

môi trường thuận lợi, thông thoáng cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích chính đáng và quyền làm chủ của nhân dân.

Việc triển khai thực thi phương án đơn giản hóa TTHC; cắt giảm điều kiện kinh doanh và hoạt động kiểm tra chuyên ngành; phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC bước đầu đạt được nhiều kết quả tích cực. Thủ tục hành chính thường xuyên được rà soát, đơn giản hóa, đánh giá tác động, chuẩn hóa; công bố, niêm yết, công khai. Việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng số hóa, không phụ thuộc vào địa giới hành chính được chú trọng, bước đầu có kết quả. Các địa phương đã thực hiện hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh thành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC duy nhất, đồng thời cung cấp, tích hợp nhiều tiện ích thông minh, giúp cho việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC ngày càng nhanh chóng, thuận tiện.

Ba là, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước đã được triển khai quyết liệt, đồng bộ. Thực hiện cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW đã và đang đạt được những kết quả ghi nhận. Theo đó, cơ cấu Chính phủ sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy gồm 14 bộ, 03 cơ quan ngang bộ, giảm 05 bộ, cơ quan ngang bộ, 03 cơ quan thuộc Chính phủ. Ở cấp tỉnh, từ ngày 01/7/2025, cả nước còn 34 tỉnh, thành phố, giảm 29 đơn vị hành chính, tương ứng với 46%; ở cấp xã, cả nước còn 3.321 đơn vị hành chính, giảm 6.714 đơn vị hành chính cấp xã, tương ứng với 66,91%.

Bốn là, thể chế về công vụ, công chức, viên chức được bổ sung, hoàn thiện, đổi mới. Một số nội dung cải cách, đổi mới bước đầu đạt kết quả, như: việc tuyển dụng công chức có ứng dụng công nghệ thông tin; việc thu hút những người có tài năng vào làm việc trong các cơ quan nhà nước; việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý. Cùng với đó, một loạt các quy định về chế độ được công khai, như: thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan hành chính;

các quy định, quy trình giải quyết công việc, TTHC, phí, lệ phí và thời gian giải quyết công việc; công khai ngân sách, tài chính; công khai báo cáo kiểm toán; công khai tài sản của cán bộ, công chức và tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức đã được thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật.

Năm là, thể chế, chính sách, pháp luật trong lĩnh vực tài chính công có nhiều chuyển biến rõ nét. Việc triển khai chính sách xã hội hóa trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch; giáo dục và đào tạo; y tế... đã từng bước nâng cao chất lượng dịch, đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

Sáu là, cơ chế, chính sách về phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số từng bước được hoàn thiện, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

Việc xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Trục liên thông văn bản quốc gia, Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ... được triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ và đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần hình thành nên cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước. Các bộ, ngành, địa phương cũng đã tập trung đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, triển khai xây dựng nhiều phần mềm, cơ sở dữ liệu, các nền tảng, phần mềm ứng dụng...

Bảy là, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp đã thường xuyên đối thoại, lắng nghe những phản ánh, kiến nghị của người dân, cộng đồng doanh nghiệp. Tại các kỳ họp Quốc hội, các bộ trưởng, trưởng ngành phải trực tiếp trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội về những vấn đề nổi cộm, bức xúc trong điều hành và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật. Hình thức chất vấn công khai, truyền hình trực tiếp cũng góp phần minh bạch hóa thông tin, tăng cường sự giám sát từ phía người dân và truyền thông, qua đó trách nhiệm giải trình

không chỉ dừng ở báo cáo mà trở thành động lực nội tại thúc đẩy đổi mới hành chính, góp phần củng cố lòng tin và sự ủng hộ của xã hội đối với nền hành chính phục vụ.

Tám là, lấy sự hài lòng của người dân làm trọng tâm trong đánh giá hiệu quả phục vụ của bộ máy hành chính.

Thực tiễn cho thấy, từ năm 2017 đến nay, Chỉ số SIPAS có xu hướng cải thiện qua các năm, thể hiện qua mức độ hài lòng ngày càng tăng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP, các bộ, ngành và địa phương tiến hành khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân đối với các dịch vụ hành chính công, dịch vụ sự nghiệp công trên địa bàn. Đặc biệt, để đánh giá chất lượng cung cấp dịch vụ công, Bộ Y tế đã ban hành Đề án phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công lập; Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Đề án phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công lập.

3. Định hướng cải cách hành chính trong kỷ nguyên mới gắn với đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính.

Tăng cường lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, uốn nắn kịp thời việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác cải cách hành chính. Tiếp tục đổi mới phương thức làm việc và sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ và cơ quan hành chính địa phương các cấp trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình cũng như trong triển khai công tác cải cách hành chính. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; lấy kết quả cải cách hành chính hằng năm là tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị; chất lượng chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; coi trọng công tác thi đua, khen thưởng gắn với kết quả, hiệu quả cải cách hành chính.

Hai là, đổi mới tầm nhìn và tư duy cải cách hành chính từ góc độ quản trị quốc gia.

Cải cách hành chính cần được đặt ra không chỉ đối với hệ thống hành chính khu vực nhà nước, mà còn ở cả khu vực ngoài nhà nước. Mục tiêu của cải cách hành chính có tính hướng đến đến huy động mọi nguồn lực, giải phóng mọi động lực cho sự phát triển quốc gia. Cải cách hành chính thực sự phải trở thành đòn bẩy, động lực cho phát triển quốc gia, nâng cao trách nhiệm của các chủ thể đối với các vấn đề hệ trọng, vận mệnh của quốc gia.

Ba là, xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận và đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Nâng cao chất lượng xây dựng hệ thống văn bản pháp luật theo hướng tạo môi trường pháp lý bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, khuyến khích đổi mới sáng tạo, cạnh tranh lành mạnh của các thành phần kinh tế trên cơ sở tuân thủ pháp luật; tạo điều kiện cho địa phương chủ động, sáng tạo, khuyến khích phát triển. Bên cạnh đó, cần thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả chính sách sau ban hành để kịp thời điều chỉnh những bất cập, mâu thuẫn, loại bỏ các rào cản pháp lý, tháo gỡ “điểm nghẽn” từ thể chế, tạo nền tảng then chốt cho cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia.

Bốn là, đẩy mạnh cải cách TTHC, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động cung ứng dịch vụ công trong bối cảnh hội nhập sâu rộng của nền kinh tế.

Đơn giản hóa TTHC, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp, cản trở cạnh tranh lành mạnh. Tập trung ưu tiên nguồn lực để đẩy mạnh triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; ban hành các giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả triển khai 25 dịch vụ công thiết yếu liên quan đến người dân theo Đề án 06. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa các bộ, ngành, Trung tâm

Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã cho tổ chức, cá nhân.

Năm là, triển khai đồng bộ nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ.

Tập trung triển khai vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp để không bị gián đoạn hoặc bỏ sót công việc; tổ chức rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương, gắn với tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của từng cơ quan, đơn vị, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Tiếp tục cải cách, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, bảo đảm chất lượng, hoạt động hiệu quả.

Sáu là, tiếp tục hoàn thiện thể chế, các quy định chính sách về một nền công vụ minh bạch, trách nhiệm, công bằng và liêm chính.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ và có đạo đức cách mạng, cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, tiêu chuẩn nghiệp vụ, tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao bằng sản phẩm cụ thể và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng phục vụ người dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên tinh thần lắng nghe, cầu thị, trách nhiệm, hết lòng phục vụ người dân, tổ chức..., đồng thời sàng lọc, thay thế kịp thời những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, kỷ luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, không còn uy tín với nhân dân.

Bảy là, thực hiện cách mạng chuyển đổi số với những cải cách mạnh mẽ, toàn diện để điều chỉnh quan hệ sản xuất, tạo động lực mới cho phát triển.

Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tập trung nguồn lực đầu tư

xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng, nền tảng số, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, cơ sở dữ liệu địa phương đồng bộ, liên thông. Có cơ chế đột phá thu hút nhân tài trong và ngoài nước; xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và tư duy đổi mới, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tám là, tiếp tục đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; thường xuyên đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức.

Nghiên cứu, hoàn thiện các chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm của cơ quan hành chính các cấp; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan hành chính theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong đánh giá. Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp dưới nhiều hình thức khác nhau, trên các nội dung quản lý nhà nước khác nhau, như ban hành cơ chế, chính sách pháp luật; tổ chức thực thi pháp luật; cung cấp dịch vụ công.../.

Tài liệu tham khảo:

1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, *Báo cáo Kiểm điểm chỉ đạo điều hành 06 tháng đầu năm 2025.*

2. Bộ Khoa học và Công nghệ, *Báo cáo số 207/BC-KHCN ngày 05/9/2025 về tình hình thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia.*

3. Văn phòng Chính phủ, *Báo cáo số 9096/BC-VPCP ngày 25/9/2025 về tình hình và kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Quý III và nhiệm vụ trọng tâm Quý IV năm 2025.*

4. Chính phủ, *Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020.*

5. Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 01/8/2007 Hội nghị lần thứ*

năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước.

6. Chính phủ, *Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.*

7. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020.*

8. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.*

9. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 về Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW.*

10. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII.*

11. Thủ tướng Chính phủ, *Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.*

12. Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.*

13. Chính phủ, *Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.*

14. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.*

15. Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.*

16. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*